

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN TÀI CHÍNH KHỞI NGHIỆP

MST: 0317730654

TÀI LIỆU ĐÀO TẠO NỘI BỘ

QUY TRÌNH SẢN XUẤT, NHẬP KHO, XUẤT KHO VÀ BÁN
HÀNG CHO HỘ KINH DOANH SẢN XUẤT

(Quần áo, Bánh kẹo, F&B, Giày dép và các ngành sản xuất nói chung)

Phiên bản: 2.0 – Ngày ban hành: 17/03/2026

Người soạn: Phòng Kế toán – TCKN

I. MỤC ĐÍCH TÀI LIỆU

Tài liệu này được biên soạn nhằm hướng dẫn chi tiết quy trình 6 bước từ khi mua nguyên vật liệu (NVL) đầu vào, lập định mức sản xuất, ra lệnh sản xuất, xuất kho NVL, nhập kho thành phẩm cho đến khi bán hàng và xuất hóa đơn – áp dụng cho Hộ Kinh Doanh (HKD) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất: quần áo, bánh kẹo, thực phẩm & đồ uống (F&B), giày dép, và các ngành sản xuất tương tự.

Tài liệu giúp nhân viên kế toán dịch vụ tại TCKN có thể hướng dẫn khách hàng HKD thực hiện đúng, đủ chứng từ kế toán theo quy định hiện hành, đồng thời đảm bảo tính hợp lệ của chi phí đầu vào khi quyết toán thuế.

Lưu ý: Trong tài liệu này, tất cả các biểu mẫu minh họa đều được đóng khung viền đậm, in đậm tiêu đề, có đầy đủ vị trí chữ ký – để phân biệt rõ ràng với phần hướng dẫn bên ngoài. Ngoài ra, bộ biểu mẫu trống (để in ra điền) được cung cấp trong file riêng đi kèm.

II. KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Sau khi đọc xong tài liệu, nhân viên/khách hàng sẽ:

- Hiểu toàn bộ quy trình 6 bước: Nhập NVL → Lập định mức → Lệnh SX → Xuất kho NVL → Nhập kho TP → Bán hàng & xuất HĐ.
- Phân biệt trường hợp mua NVL có hóa đơn và không có hóa đơn, biết cách lập chứng từ phù hợp.
- Tự lập được các mẫu: Bảng kê 02/TNDN, phiếu nhập hàng, bảng định mức (có tỷ lệ hao hụt), lệnh SX, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho TP, hóa đơn bán hàng.
- Biết cách ký tên, scan/chụp và gửi chứng từ cho kế toán đúng quy trình.
- Nắm rõ căn cứ pháp lý liên quan.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Nhân viên kế toán dịch vụ tại TCKN; chủ Hộ Kinh Doanh (HKD) có hoạt động sản xuất; nhân viên kho, nhân viên sản xuất tại các HKD khách hàng của TCKN.

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Thông tư 152/2025/TT-BTC** ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (có hiệu lực từ 01/01/2026, thay thế Thông tư 88/2021/TT-BTC). Bao gồm các mẫu sổ kế toán: S2b-HKD (sổ doanh thu), S2c-HKD (sổ chi tiết doanh thu – chi phí), S2d-HKD (sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa).
- Thông tư 88/2021/TT-BTC** ngày 11/10/2021 – Hướng dẫn chế độ kế toán cho HKD (hết hiệu lực từ 01/01/2026 nhưng các mẫu phiếu nhập kho 03-VT, xuất kho 04-VT vẫn được sử dụng tham chiếu cho chứng từ nội bộ).
- Thông tư 78/2014/TT-BTC** và các văn bản sửa đổi – Mẫu số 02/TNDN (Bảng kê mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn).
- Luật Kế toán 2015** – Quy định chung về chứng từ kế toán.
- Nghị định 123/2020/NĐ-CP** – Quy định về hóa đơn, chứng từ.
- Nghị định 181/2025/NĐ-CP** – Thanh toán từ 5 triệu đồng trở lên phải qua ngân hàng (không dùng tiền mặt) kể từ 01/07/2025.

Về Thông tư 152/2025/TT-BTC

TT 152 thay thế TT 88/2021. HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai cần sử dụng Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu S2d-HKD) để theo dõi nhập – xuất – tồn kho. Đơn giá xuất kho = (Giá trị tồn đầu kỳ + Giá trị nhập trong kỳ) ÷ (SL tồn đầu kỳ + SL nhập trong kỳ).

V. TỔNG QUAN QUY TRÌNH 6 BƯỚC

Dưới đây là tóm tắt 6 bước chính:

BƯỚC 1**NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO**

Mua NVL, lập chứng từ nhập hàng (có hoặc không có hóa đơn).

BƯỚC 2**LẬP BẢNG ĐỊNH MỨC NVL**

Xây dựng định mức NVL (có tỷ lệ hao hụt), ký tên, scan/chụp gửi KT.

BƯỚC 3**TẠO LỆNH SẢN XUẤT**

Ra lệnh SX theo đơn hàng, ký tên, scan/chụp lưu trữ.

BƯỚC 4**XUẤT KHO NGUYÊN VẬT LIỆU**

Xuất NVL từ kho theo lệnh SX, ký tên, scan/chụp lưu trữ.

BƯỚC 5**NHẬP KHO THÀNH PHẨM**

TP sản xuất xong được nhập kho, lập phiếu nhập kho.

BƯỚC 6**BÁN HÀNG VÀ XUẤT HÓA ĐƠN**

Bán TP cho khách hàng, xuất hóa đơn bán hàng trực tiếp.

VI. CHI TIẾT TỪNG BƯỚC

Bước 1: Nhập nguyên vật liệu đầu vào

Khi HKD mua NVL để phục vụ sản xuất, có hai trường hợp:

Trường hợp 1: Mua NVL KHÔNG CÓ hóa đơn

Khi mua NVL từ nguồn nhỏ lẻ (chợ, cá nhân bán lẻ) không được cấp hóa đơn, HKD cần lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn theo Mẫu số 02/TNDN.

Lưu ý: Mẫu 02/TNDN hiện được sử dụng tạm thời (theo TT 20/2026/TT-BTC). Khi có hướng dẫn chính thức mới, TCKN sẽ cập nhật tài liệu.

BIỂU MẪU MINH HỌA – Bảng kê thu mua hàng hóa (Mẫu 02/TNDN):

								Mẫu số: 02/TNDN	
								<i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC)</i>	
BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN									
<i>(Ngày tháng năm)</i>									
- Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH BIBI									
- Mã số thuế: 0316XXXXXX									
- Địa chỉ:									
- Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:									
Ngày tháng năm	Tên người bán	Địa chỉ	Số căn cước	SĐT	Tên HH, DV	SL	Đơn giá	Tổng thanh toán	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15/11/2025	Nguyễn Văn A	Chợ Soái Kinh Lâm, Q.5	079XXXXXXX	0909xxx	Vải thun TP	36.120 cm	5.500	198.660.000	
15/11/2025	Trần Thị B	Chợ vải Q.5	052XXXXXXX	0912xxx	Thun 3F	27.348 cm	4.200	114.861.600	
16/11/2025	Lê Văn C	Chợ phụ liệu Q.6	060XXXXXXX	0933xxx	Dây lượn	516 sợi	1.200	619.200	
Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào: 314.140.800 đ									
Người lập bảng kê <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>					Người đại diện HKD (Ký tên, đóng dấu nếu có) <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>				
Ô nền vàng = Thông tin bắt buộc phải điền đầy đủ (Địa chỉ người bán & Số căn cước)									

Trường hợp 2: Mua NVL CÓ hóa đơn (Hóa đơn GTGT từ công ty)

Khi mua NVL từ công ty/DN có xuất hóa đơn GTGT, HKD giữ lại hóa đơn gốc và lập phiếu nhập hàng đối chiếu.

BIỂU MẪU MINH HỌA – Phiếu nhập hàng (có hóa đơn):

PHIẾU NHẬP HÀNG <i>(Trường hợp có hóa đơn VAT đầu vào)</i>
--

Nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH VẢI SỢI HOÀNG LONG – MST: 0301234567
Đơn vị mua: HỘ KINH DOANH BIBI

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số HD
1	Vải thun thành phẩm	cm	36.120	6.050	218.526.000	0012345
2	Thun 3F	cm	27.348	4.620	126.347.760	0012346
Tổng cộng:					344.873.760	

Người giao hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ kho (Ký, ghi rõ họ tên)	Người lập (Ký, ghi rõ họ tên)	Người đại diện HKD (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--------------------------------	----------------------------------	---

BIỂU MẪU MINH HỌA – Hóa đơn GTGT (mua NVL từ công ty):**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu: 1C25TAA – Số: 0012345 – Ngày: 15/11/2025

Đơn vị bán: CÔNG TY TNHH VẢI SỢI HOÀNG LONG – MST: 0301234567

Đơn vị mua: HỘ KINH DOANH BIBI

STT	Tên HH, DV	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Vải thun thành phẩm	cm	36.120	5.500	198.660.000
Cộng tiền hàng:					198.660.000
Thuế GTGT (8%):					15.892.800
Tổng thanh toán:					214.552.800

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

Lưu ý thanh toán

Từ 01/07/2025, mọi khoản thanh toán từ 5 triệu đồng trở lên phải thực hiện qua ngân hàng (không dùng tiền mặt) để chi phí được chấp nhận khi quyết toán thuế (NĐ 181/2025).

Bước 2: Lập bảng định mức nguyên vật liệu

Bảng định mức xác định lượng NVL cần thiết để sản xuất 1 đơn vị thành phẩm, bao gồm cả tỷ lệ hao hụt cho phép. Đây là cơ sở để tính giá thành, xuất kho NVL và kiểm soát hao hụt.

BIỂU MẪU MINH HỌA – Bảng định mức NVL (có tỷ lệ hao hụt):

BẢNG ĐỊNH MỨC NGUYÊN VẬT LIỆU SẢN XUẤT							
Ngày: 14/03/2026							
STT	Tên hàng	Thành phần NVL	ĐVT	Định lượng / 1 SP	Tỷ lệ hao hụt (%)	Định mức thực tế / 1 SP	Ghi chú
1	Bộ thun bé trai BiBi SX (ĐVT: Bộ)	Vải thun	cm	70	3%	72,1	Tùy size, TB 70 cm/bộ
		Thun quần (Thun 3F)	cm	53	2%	54,06	Bo cổ, tay, gấu
		Bao bọc (Bao OPP)	Cái	1	0%	1	
		Dây luồn	Sợi	1	0%	1	1 sợi / bộ quần

Công thức: Định mức thực tế = Định lượng × (1 + Tỷ lệ hao hụt%). VD: 70 × 1,03 = 72,1 cm

Người lập (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (nếu có) (Ký, ghi rõ họ tên)	Người đại diện HKD (Ký, ghi rõ họ tên)
---	---	--

Cách thực hiện

Chủ HKD hoặc quản lý SX lập bảng định mức → Ký tên → Scan hoặc chụp hình rõ nét → Gửi file cho kế toán qua Zalo/Email. Bản gốc lưu tại cơ sở SX.

Lưu ý: Định mức có thể thay đổi theo từng đợt SX hoặc khi thay đổi mẫu mã. Mỗi lần thay đổi cần lập bảng định mức mới. Tỷ lệ hao hụt cần dựa trên thực tế sản xuất và được phê duyệt bởi chủ HKD.

Ví dụ ngành bánh kẹo: Nếu sản xuất 1 mẻ bánh quy (100 hộp), NVL gồm: Bột mì 10kg (hao hụt 5%), Bơ 3kg (hao hụt 2%), Đường 2kg (hao hụt 3%), Bao bì 100 cái (hao hụt 1%). Định mức thực tế = Định lượng × (1 + %HH).

Bước 3: Tạo lệnh sản xuất

Lệnh sản xuất là chứng từ nội bộ ghi nhận việc HKD quyết định sản xuất một lô hàng cụ thể. Lệnh SX là căn cứ để xuất kho NVL ở bước tiếp theo.

BIỂU MẪU MINH HỌA – Lệnh sản xuất:

LỆNH SẢN XUẤT				
Số: LSX00001 – Ngày: 27/11/2025				
Diễn giải: Sản xuất "Bộ thun bé trai" đợt 1: 516 bộ				
Mã NVL	Tên NVL	ĐVT	Số lượng	Đối tượng THCP
TP: TP00001	Bộ thun bé trai	Bộ	516	Bộ thun bé trai
VT00003	Vải thun thành phẩm	cm	36.120	Bộ thun bé trai
VT00004	Thun 3F	cm	27.348	Bộ thun bé trai
VT00008	Dây luồn	Sợi	516	Bộ thun bé trai

Người lập <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
--	---

Cách thực hiện

Chủ HKD hoặc quản lý SX lập lệnh SX → Ký tên (Người lập + KTT nếu có) → Scan hoặc chụp hình → Lưu trữ.
SL NVL = Định mức thực tế × SL SP cần SX.

Lưu ý: Mỗi lệnh SX đánh số liên tục (LSX00001, LSX00002...) để đối chiếu.

Bước 4: Xuất kho nguyên vật liệu

Sau khi có lệnh SX, thủ kho (hoặc chủ HKD) xuất NVL từ kho theo đúng số lượng trên lệnh SX. Lập Phiếu xuất kho theo Mẫu 04-VT.

BIỂU MẪU MINH HỌA – Phiếu xuất kho NVL (Mẫu 04-VT):

						Mẫu số: 04 - VT
						<i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021)</i>
PHIẾU XUẤT KHO						
<i>Số: XK00033 – Ngày 14/03/2026</i>						
Họ tên người nhận hàng: HỘ KINH DOANH BIBI – PHƯỜNG ĐÔNG HƯNG THUẬN						
Lý do xuất kho: Xuất kho NVL sản xuất theo Lệnh SX <LSX00005>						
STT	Mã số	Tên vật tư, HH	DVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	VT00015	Vải thun	cm	578.130	382,30	221.019.960
2	VT00004	Thun 3F	cm	437.727	7,00	3.064.089
3	VT00016	Bao OPP	Cái	8.259	500,96	4.137.620
Cộng:						228.221.669
Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng.						
Người nhận hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người đại diện HKD <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Ký tên Phiếu xuất kho

Cần đủ chữ ký: Người nhận hàng, Thủ kho, Người lập biểu, Người đại diện HKD. Sau khi ký → Scan/chụp → Lưu trữ và gửi kế toán.

Lưu ý: Lý do xuất kho phải ghi rõ tham chiếu số Lệnh SX (VD: theo LSX00005) để liên kết chứng từ.

Bước 5: Nhập kho thành phẩm

Khi SX hoàn tất, thành phẩm được kiểm đếm và nhập kho. Lập Phiếu nhập kho theo Mẫu 03-VT.

BIỂU MẪU MINH HỌA – Phiếu nhập kho thành phẩm (Mẫu 03-VT):

Mẫu số: 03 - VT						
<i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021)</i>						
PHIẾU NHẬP KHO						
<i>Số: NK00015 – Ngày 27/11/2025</i>						
Địa điểm nhập kho: Kho thành phẩm						
STT	Mã số	Tên sản phẩm	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	TP00001	Bộ thun bé trai	Bộ	516	44.436,18	22.929.069
Cộng:						22.929.069
<i>Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn không trăm sáu mươi chín đồng.</i>						
Người giao hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ kho <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người đại diện HKD <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Cách tính đơn giá TP nhập kho

Đơn giá = Tổng chi phí NVL xuất kho (theo lệnh SX) ÷ Số lượng TP thực tế nhập kho. VD: $22.929.069 \div 516 = 44.436,18$ đ/bộ.

Lưu ý: Nếu SL thành phẩm ít hơn dự kiến (do hàng lỗi, hao hụt), cần lập biên bản xác nhận hao hụt và ghi rõ lý do.

Bước 6: Bán hàng và xuất hóa đơn cho người mua

Sau khi thành phẩm đã nhập kho, HKD có thể bán hàng cho khách (công ty, cá nhân). Khi bán hàng, HKD xuất hóa đơn bán hàng trực tiếp (không phải hóa đơn GTGT vì HKD nộp thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc khoán).

BIỂU MẪU MINH HỌA – Hóa đơn bán hàng trực tiếp của HKD:

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG					
<i>(Hóa đơn trực tiếp của HKD – Không có thuế GTGT)</i>					
<i>Ký hiệu: 1D25TBB – Số: 0000088 – Ngày: 14/03/2026</i>					
Đơn vị bán: HỘ KINH DOANH BIBI – MST: 0316XXXXXX					
Người mua: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG ĐÔNG HÙNG THUẬN					
STT	Tên HH, DV	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Bộ thun bé trai (S-M-L)	Bộ	200	85.000	17.000.000
2	Bộ thun bé trai (XL-XXL)	Bộ	316	95.000	30.020.000
Tổng cộng:					47.020.000
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

Quy trình bán hàng

Khi có đơn hàng → Xuất kho TP (lập phiếu xuất kho TP) → Giao hàng → Xuất hóa đơn bán hàng → Thu tiền (qua ngân hàng nếu từ 5 triệu trở lên). Ghi nhận doanh thu vào Sổ doanh thu bán hàng (Mẫu S2b-HKD theo TT 152/2025).

Lưu ý: HKD nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc trực tiếp thì dùng hóa đơn bán hàng (không có dòng thuế GTGT). HKD tự đăng ký phát hành hóa đơn điện tử hoặc mua hóa đơn từ cơ quan thuế.

VII. TÓM TẮT LƯỠNG CHỨNG TỪ

Bảng tổng hợp chứng từ cần lập ở mỗi bước:

Bước	Công việc	Chứng từ cần lập	Sau khi lập	Mẫu tham chiếu
1a	Nhập NVL (không HĐ)	Bảng kê Mẫu 02/TNDN	Ký → Scan/chụp → Gửi KT	02/TNDN
1b	Nhập NVL (có HĐ)	Phiếu nhập + HĐ GTGT gốc	Giữ HĐ gốc → Gửi KT	–
2	Lập định mức NVL	Bảng định mức NVL	Ký → Scan/chụp → Gửi KT	Nội bộ
3	Tạo lệnh SX	Lệnh sản xuất	Ký → Scan/chụp → Lưu trữ	Nội bộ
4	Xuất kho NVL	Phiếu xuất kho	Ký → Scan/chụp → Gửi KT	04-VT
5	Nhập kho TP	Phiếu nhập kho	Ký → Scan/chụp → Gửi KT	03-VT
6	Bán hàng	HĐ bán hàng trực tiếp	Xuất HĐ → Thu tiền	HĐ điện tử

VIII. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Tất cả chứng từ phải được ký tên bởi người có thẩm quyền** (chủ HKD hoặc người được ủy quyền) trước khi scan/chụp gửi KT.
- Scan hoặc chụp phải rõ nét**, đọc được toàn bộ nội dung, không bị cắt xén.
- Lưu trữ chứng từ gốc tối thiểu 5 năm** tại cơ sở kinh doanh (theo Điều 3 TT 152/2025).
- Mã số, tên hàng hóa phải nhất quán** giữa các chứng từ trong cùng quy trình (lệnh SX ↔ phiếu xuất kho ↔ phiếu nhập kho).
- Thanh toán từ 5 triệu đồng trở lên phải qua ngân hàng** (NĐ 181/2025, có hiệu lực 01/07/2025).
- HKD nộp thuế kê khai**: sử dụng Sổ S2d-HKD (TT 152/2025) để theo dõi nhập – xuất – tồn cho từng loại vật liệu, sản phẩm, hàng hóa.

IX. THỜI ĐIỂM BAN HÀNH VÀ HIỆU LỰC

Tài liệu này được ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2026 và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày ký. Tài liệu sẽ được rà soát và cập nhật khi có thay đổi quy định pháp luật hoặc quy trình nội bộ.

X. MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu được biên soạn dựa trên quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm ban hành, nhằm mục đích đào tạo nội bộ và hỗ trợ khách hàng của TCKN. Nội dung mang tính chất tham khảo và hướng dẫn chung, không thay thế ý kiến tư vấn chuyên môn cụ thể.

TCKN không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc áp dụng nội dung tài liệu mà không có sự tư vấn trực tiếp từ chuyên viên kế toán – thuế. Người sử dụng nên tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi quyết định liên quan đến nghĩa vụ thuế và kế toán.

TP.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI BIÊN SOẠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

— HẾT —